UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139/QĐ-VPUBND

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

CHÁNH VĂN PHÒNG UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-UBND-HC ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Hành chính - Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Văn phòng Uỷ ban nhân dân Tỉnh. *(Phụ lục đính kèm)*

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Hành chính – Quản trị thuộc Văn phòng Uỷ ban nhân dân Tỉnh và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN;
- LĐ/VPUBND Tỉnh;
- Lưu VT. KT

CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

Nguyễn Phi Đa

Đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp

Chương: 405

CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 139/QĐ-VPUBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				VP.UBND Tỉnh	Cổng TTĐT
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động SX, CUDV và thu khác				
	Phát triển phần				
	Dịch vụ đào tạo				
	Dịch vụ tư vấn				
	Dịch vụ (Mua máy móc thiết bị…)				
II	**Chi từ nguồn thu được để lại**				
1	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí				
1,1	Chi văn phòng phẩm, pho to bản thảo, bơm mực, sửa máy photo				
1,2	Chi tiền nước, điện sinh hoạt,…				
1,3	Chi bồi dưỡng người làm trực tiếp thu phí và phục vụ công tác giải quyết thủ tục				
1,4	Chi 40% cải cách tiền lương				
2	**Chi hoạt động dịch vụ**				
a	**Chi lương**				
b	**Chi khác**				
1,1	Tiền điện				
1,2	Chi giá vốn và các dịch dụ thuê khoán khác				
1,3	Chi nộp các khoản thuế				
1,4	Chi Khác				
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**				
1	Phí				
2	Thu hoạt động SX, CUDV và thu khác				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**27.695**	**27.695**	**25.587**	**-**

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				VP.UBND Tỉnh	Cổng TTĐT
I	**Nguồn ngân sách nhà nước**	**27.695**	**27.695**	**25.587**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**25.490**	**25.490**	**25.490**	
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	11.187	11.187	11.187	
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	14.303	14.303	14.303	
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**97**	**97**	**97**	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	97	97	97	
	Đào tạo khác trong nước				
	Khen thưởng ngành giáo dục				
3	**Chi hoạt động kinh tế**	**2.108**	**2.108**		**2.108**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.151	1.151		1.151
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	957	957		957
4	**Chi Chương trình mục tiêu**				
4.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
4.2	Chi Chương trình mục tiêu				
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				